

SẢN XUẤT LÂM SẢN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI

CN. Tạ Hữu Dực
Viện Dân tộc học
Email: taducvdt@yahoo.com

Tóm tắt: Sản xuất lâm sản là một trong những hoạt động sinh kế thiết yếu của người dân ở biên giới huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Hiện nay, sự dịch chuyển cơ cấu sản xuất lâm sản từ trồng rừng lấy gỗ thuần túy (thông sa mộc, mỡ, xoan...) sang cây lâm sản ngoài gỗ (hồi, trầu, quế, chè, sa nhân...) đã mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho người dân, song lại tạo ra những tác động nhiều chiều tới môi trường và xã hội. Bài viết trên cơ sở nhận diện và phân tích thực trạng sản xuất lâm sản và những vấn đề đặt ra, trong đó có vấn đề bảo vệ môi trường tại huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai sẽ đề xuất một số giải pháp giúp cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Từ khóa: Sản xuất lâm sản, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, sinh kế, tài nguyên rừng.

Abstract: Forest production is one of the essential livelihood activities of people in the border area of Muong Khuong district, Lao Cai province. At present, the shift in the structure of forest production from afforestation for pure timber (such as pine, linden, manglietia conifera dandy, and bead tree) to non-timber forest products (such as anise, chine wood oil tree, cinnamon, tea, and amomum) has brought about a significant source of income for the people but has also created multi-dimensional impacts on the environment and society. The article is based on the identification and analysis of the current situation of forest production, also including issues of environmental protection in Muong Khuong district, Lao Cai province. On this basis, it offers some solutions for balancing economic development and environmental protection.

Keywords: Forest products production, environmental protection, sustainable development, livelihoods, forest resources.

Ngày nhận bài: 20/10/2022; ngày gửi phản biện: 28/10/2022; ngày duyệt đăng: 20/11/2022.

Mở đầu

Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật (Quốc hội, 2020). Phát triển kinh tế với khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi

trường từ lâu đã trở thành vấn đề được quan tâm sâu sắc của cộng đồng quốc tế cũng như Việt Nam (Lê Trọng Cúc, A. Terry Rambo, 2001). Ở vùng cao, miền núi nước ta, tài nguyên rừng nói chung, lâm sản¹ nói riêng có vai trò rất quan trọng trong đời sống người dân. Việc khai thác, sản xuất lâm sản không chỉ giúp họ thoát đói nghèo mà còn có thể tiến tới làm giàu. Tuy nhiên, hoạt động này bên cạnh việc cải thiện đời sống cho người dân cũng đồng thời tạo ra những thách thức về môi trường. Do đó, câu hỏi về sự cân bằng giữa hiệu quả kinh tế và việc bảo vệ môi trường được đặt ra. Với quan điểm tiếp cận phát triển bền vững, chúng tôi cho rằng cần phải ưu tiên giải quyết những nhu cầu thiết yếu phục vụ đời sống của con người, nhất là của những cộng đồng dân cư nghèo, đi đôi với việc đảm bảo các hoạt động đó không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng đáp ứng của môi trường tại thời điểm hiện tại, cũng như trong tương lai.

Bài viết dựa trên nguồn tư liệu từ hai đợt nghiên cứu thực địa tại huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai (chủ yếu ở hai xã Lùng Vai và Nậm Cháy) trong hai năm 2021-2022 với các số liệu từ kết quả phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, thống kê từ chính quyền địa phương, Ban quản lý rừng phòng hộ (BQLRPH) huyện Mường Khương, và thông tin thứ cấp kế thừa từ các công trình đã công bố. Mục tiêu bài viết trên cơ sở làm rõ các hoạt động sản xuất lâm sản chính tại địa bàn nghiên cứu, nhận diện và phân tích những vấn đề đặt ra trong sản xuất lâm sản, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm tìm giải pháp cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

1. Địa bàn nghiên cứu

Mường Khương là huyện vùng cao, biên giới của tỉnh Lào Cai, có diện tích tự nhiên 56.460,27ha, trong đó đất lâm nghiệp là 24.213ha, chiếm 43,01% (UBND huyện Mường Khương, 2020). Huyện có 16 xã, thị trấn với số dân 66.266 người, bao gồm 14 dân tộc khác nhau, người Hmông là dân tộc chiếm đa số (41,78%) (Công thông tin điện tử tỉnh Lào Cai, 2022). Huyện có độ cao trung bình so với mực nước biển là 950 m, với 04 tiểu vùng địa lý tự nhiên: vùng cao (thuộc địa phận 04 xã Cao Sơn, La Pán Tẩn, Tả Thàng, Lùng Khẩu Nhìn); vùng giữa (Mường Khương, Tung Chung Phó, Thanh Bình, Nậm Lư, Nậm Cháy); vùng thấp (Bản Lầu, Bản Xen, Lùng Vai) và khu núi đá khô cạn thiếu nước (Pha Long, Dìn Chín, Tả Gia Khâu, Tả Ngải Chồ). Huyện Mường Khương được chia thành 3 tiểu vùng khí hậu nhiệt đới, á nhiệt đới và ôn đới, điều này tạo thế mạnh phát triển sản xuất nông - lâm sản với chuỗi sản phẩm đa dạng. Kinh tế của huyện chủ yếu là sản xuất nông - lâm nghiệp. Với hơn 80% diện tích đất tự nhiên là đồi núi, các đề án phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến nay phần nào giúp khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai, phát triển trồng rừng và nông nghiệp hàng hóa,

¹ Khoản 16, Điều 2, Luật Lâm nghiệp 2017: “Lâm sản là sản phẩm khai thác từ rừng bao gồm thực vật rừng, động vật rừng và các sinh vật rừng khác gồm cả gỗ, lâm sản ngoài gỗ, sản phẩm gỗ, song, mây, tre, nứa đã chế biến” (Quốc hội, 2017).

góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân, ổn định xã hội,... Vùng sản phẩm nông lâm nghiệp của huyện tăng nhanh với các cây đặc sản như dứa, chuối, quýt, chè, sa nhân, hồi. Ba năm gần đây, tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm bình quân 10% mỗi năm, tốc độ giảm nghèo cao nhất tỉnh Lào Cai (UBND huyện Mường Khương, 2020). Bên cạnh đó, chính quyền địa phương đã chú trọng ưu tiên phát triển lâm nghiệp, hàng năm tỷ lệ che phủ rừng toàn huyện tăng lên từ 3 - 4% mỗi năm; khai thác, sản xuất lâm sản hay hoạt động sinh kế gắn với rừng của người dân đã được tập trung đầu tư, phát triển, hướng mạnh vào mục tiêu bảo vệ, phát triển kinh tế rừng và xóa đói giảm nghèo.

2. Hiện trạng sản xuất lâm sản

2.1. Sản xuất lâm sản gỗ

Tổng diện tích đất có rừng của huyện là 23.842,76ha, độ che phủ rừng đạt 43,1% (UBND huyện Mường Khương, 2020), gồm rừng tự nhiên và rừng trồng, trong đó rừng trồng 7.208,35ha (chiếm 30,23%). Hiện nay, các loại cây lâm sản đã được người dân Mường Khương trồng bao gồm: hồi, quế, thông sa mộc, mỡ, trầu,... Năm 2010, huyện Mường Khương đề ra chủ trương trồng rừng thay thế cho nương rẫy, với mục tiêu khuyến khích người dân chuyển đổi diện tích nương kém hiệu quả sang trồng rừng. Giống cây được lựa chọn là thông sa mộc, mỡ, hồi, trầu,... Đây được coi là những loại cây phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu và có khả năng sống khỏe trên vùng đất có độ dốc lớn, khô cằn. Mỗi hộ tham gia trồng rừng mới bên cạnh được cung cấp giống cây trồng còn được hỗ trợ gạo và kinh phí là 15 triệu đồng/ha rừng trồng và 700 kg gạo/năm. Đến cuối năm 2014, huyện Mường Khương đã trồng được 150ha bao gồm thông sa mộc, mỡ và một số loại cây khác. Ngoài ra, trong quá trình phát triển, những diện tích đất lâm nghiệp được chuyển đổi mục đích sử dụng, ảnh hưởng đến tỷ lệ che phủ rừng, chính quyền địa phương phải thực hiện trồng rừng thay thế (cả rừng sản xuất và rừng phòng hộ). Nhà nước tiếp tục áp dụng chính sách đầu tư cây giống, phân bón và hỗ trợ tiền công đối với các hộ trồng và chăm sóc rừng trong thời gian 7 năm. Điều này đã tạo động lực cho nhiều người dân ở Mường Khương cùng tham gia.

Cây mỡ được trồng ở khu vực Mường Khương từ năm 2011-2012. Theo người dân ở đây cho biết, thời điểm đó họ trồng chủ yếu để lấy gỗ làm nhà. Trước đây, người dân thường vào rừng lấy hạt mỡ về ương để làm cây giống. Đến năm 2019, hầu hết các diện tích gỗ mỡ ở thôn Na Lang (xã Lùng Vai) trồng trước đây đều đã được thu hoạch. Thời điểm đó, giá một khối gỗ mỡ là 1,3 - 1,5 triệu/khối. Cây gỗ mỡ có đường kính càng lớn thì bán càng có giá. Qua phỏng vấn, người dân cho biết có khác biệt trong trồng và khai thác cây mỡ và cây quế: *“Cây mỡ không phải chăm sóc, mỡ làm gốc 3 năm được thu hoạch, còn quế thì hơn 7-10 năm mới được thu hoạch, cây mỡ trồng 10 năm đường kính 20-30 cm, còn quế 10 năm thì được đường kính 15 cm, như vậy cây mỡ phát triển nhanh hơn. Về chăm sóc, cả 2 loại này không phải bón phân, mỡ dễ phát triển hơn, không bị chết, quế bị chết do nấm”* (PVS. ông L.V.S.,

thôn Na Lang, xã Lùng Vai). Tuy nhiên, khi khai thác, vận chuyển gỗ mỡ khó khăn và tốn nhiều công hơn so với bán quế. Do đó, nếu được chọn diện tích trồng quế hay trồng mỡ, người dân sẽ lựa chọn trồng quế. Từ năm 2019 đến nay, cây gỗ mỡ ở Mường Khương chủ yếu được trồng theo các dự án của địa phương. Hiện tại, địa phương chưa có thống kê về diện tích gỗ mỡ trồng mới tại đây.

Cây thông sa mộc được trồng chủ yếu ở những vùng đất dốc, địa hình khó khăn và thường được trồng theo các dự án trồng rừng của địa phương. Cùng với đó, người dân nhận thấy cây thông sa mộc khá phù hợp với khí hậu trong vùng nên họ cũng đã lựa chọn phát triển loại cây này trên khu vườn rừng của hộ gia đình. Trước năm 2018, thông sa mộc 20 năm tuổi có thể bán được với giá 3,5 triệu đồng/kg khối gỗ. Từ năm 2019, những diện tích gỗ thông còn lại của Mường Khương không được phép khai thác vì diện tích này được xác định là trùng với diện tích rừng của BQLRPH. Sở dĩ có sự trùng lặp này là do trước đây người dân đã khai hoang mở rộng diện tích đất của hộ gia đình từ lâu đời và không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay huyện tiến hành đo đạc và nhận thấy một phần diện tích này trùng với đất được giao cho BQLRPH (Phạm Thị Cẩm Vân, 2022). Trên diện tích khai hoang này, người dân tự đầu tư trồng thông sa mộc, đến nay thông đã trồng 25 -30 năm nhưng không thể khai thác được. Tại thời điểm năm 2021, hầu hết các hộ dân ở Mường Khương đều ít lựa chọn cây thông sa mộc để trồng mới trên diện tích đất của hộ gia đình vì có nhiều loại cây trồng khác mang lại giá trị kinh tế cao hơn và thời gian từ khi trồng đến khi thu hoạch ngắn hơn.

Cây xoan được trồng ở khu vực Mường Khương từ năm 2013, trên các diện tích nương dốc, trồng ngô kém hiệu quả. Xoan là cây ưa nhiệt độ ẩm nhưng vẫn chịu được sương giá trong thời gian ngắn. Tại một số thôn ở các xã vùng cao của Mường Khương người dân có trồng xoan trên diện tích đất rừng của hộ gia đình. Giá cây xoan giống mua thời điểm năm 2013 là 1.200 đồng/cây. Cây xoan trồng 6-7 năm sẽ đạt đường kính 30cm và bắt đầu cho thu hoạch bán gỗ tạp. Năm 2021, Ở thôn Mào Phìn (xã Nậm Cháy), đồi xoan 600 cây đã trồng 7 năm tuổi được hộ dân bán với giá 20 triệu đồng. Theo người dân tại địa phương, “Ở vùng địa hình cao hơn, xoan lại phát triển nhanh hơn cây quế nên cũng có thể trồng được, tuy nhiên giá trị bán đồi xoan sẽ không được cao so với các loại gỗ khác” (PVS. anh H.S.S, thôn Mào Phìn, xã Nậm Cháy). Ngoài ra, nếu hộ gia đình có gỗ xoan đem bán sẽ dễ dàng tiêu thụ bởi cây trồng này không nằm trong danh mục các loại cây trong dự án trồng rừng của Nhà nước nên không bị kiểm tra.

Có thể thấy, hiện nay người dân ít lựa chọn phát triển lâm sản gỗ bởi hai lý do. Trước hết, người dân thực hiện theo định hướng của các cấp quản lý tại địa phương là giảm trồng cây lâm sản, thay vào đó lựa chọn trồng cây lâm sản đa mục đích. Thứ hai, do người dân nhận thấy nếu trồng cây lâm sản, khi khai thác gỗ sẽ phải chặt trắng, dẫn đến lớp che phủ bề mặt bị ảnh hưởng.

2.2. Sản xuất lâm sản ngoài gỗ

Theo Thông tư số 35/TT - BNNPTNT ngày 23 tháng 6 năm 2010, trong Danh mục bổ sung một số loài cây lâm sản ngoài gỗ (LSNG) tại 63 huyện nghèo thuộc 21 tỉnh theo Nghị quyết 30a/2008 NQ/CP của Thủ tướng Chính phủ, với huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, cây chè shan, sa nhân, trâu được xếp vào nhóm cây LSNG. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2006) xếp cây quế, hồi thuộc nhóm LSNG. Vì vậy, trong bài viết này nhóm LSNG được tìm hiểu bao gồm: cây hồi, quế, trâu, sa nhân và chè shan.

Cây hồi được trồng trong giai đoạn từ 2017 - 2019, huyện Mường Khương triển khai Dự án “Trồng cây bản địa và cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng”, kết quả là đã trồng 20ha hồi tại xã Tả Ngải Chồ. Đến năm 2021, diện tích hồi đã tăng lên là 37ha. Năm 2018, huyện Mường Khương đã thử nghiệm trồng cây hồi trên diện tích rừng phòng hộ với mong muốn loại cây này sẽ đem lại hiệu quả kép. Theo giải thích của cán bộ địa phương “Cây hồi có khả năng chịu được hạn, sinh trưởng được cả trên đất khô cằn, tạo được nguồn sinh thủy và có tác dụng phòng hộ. Ngoài ra, hoa hồi có giá trị kinh tế, dùng làm gia vị của món ăn, làm thuốc đông y, điều này hứa hẹn đem lại nguồn thu ổn định cho đồng bào vùng cao (PVS. ông T.V. H., BQLRPH, huyện Mường Khương). Với mong muốn phát triển cây hồi có thể giúp nâng cao thu nhập cho người dân, huyện Mường Khương dự kiến đến năm 2025 sẽ trồng 500ha hồi, thực hiện tại 3 xã: Tả Ngải Chồ, Pha Long, Tung Chung Phó. Các diện tích sẽ thực hiện gồm 350ha đất quy hoạch cho lâm nghiệp và 150ha đất chuyển đổi từ nương trồng ngô năng suất thấp sang trồng hồi (Phòng vấn cán bộ BQLRPH, huyện Mường Khương).

Cây quế được người dân khu vực Mường Khương trồng từ những năm 2012 và chủ yếu phát triển ở các xã vùng thấp (Bản Lầu, Bản Xen, Lùng Vai). Năm 2021, tổng diện tích cây quế được trồng ở Mường Khương là 293,87ha. “Hiện nay, hầu như các hộ dân thôn Na Lang, xã Lùng Vai đều trồng quế, nhà nhiều nhất trồng khoảng 3 đến 4 vạn cây con” (PVS. anh H.V. Q., thôn Na Lang, xã Lùng Vai). Một số người dân ở xã vùng cao hơn như Tả Ngải Chồ, Pha Long cũng bắt đầu trồng quế nhưng diện tích chưa nhiều.

Bảng 1. Diện tích cây quế huyện Mường Khương (2020-2021)

Đơn vị: ha

STT	Xã, thị trấn	Năm 2020	Năm 2021
1	Bản Lầu	49.47	33.50
2	Bản Xen	37.50	23.51
3	Cao Sơn	-	25.20
4	Dìn Chin	-	22.00
5	La Pan Tẩn	-	-

6	Lùng Khẩu Nhìn	3.50	10.50
7	Lùng Vai	43.07	83.40
8	Mường Khương	5.80	4.30
9	Nậm Chảy	15.91	14.76
10	Nậm Lư	8.80	12.90
11	Pha Long	-	0.90
12	Tả Gia Khâu	-	4.20
13	Tả Ngòi Chồ	-	0.30
14	Tả Thành	2.50	32.30
15	Thanh Bình	15.30	21.10
16	Tung Chung Phó	4.50	5.00
Tổng cộng		186.35	293.87

Nguồn: Số liệu tổng hợp của BQLRPH huyện Mường Khương, 2022.

Từ bảng tổng hợp trên cho thấy, xã Lùng Vai có diện tích trồng quế lớn nhất của huyện Mường Khương. Theo người dân thôn Na Lang (xã Lùng Vai) thời gian đầu họ sẽ trồng cây quế với mật độ dày, sau đó tỉa thưa để các cây khác phát triển. Vào thời điểm năm 2020, giá mua quế 800.000 đồng/bầu. Tại Na Lang, người dân còn trồng quế xen lẫn với cây chè, “*đất rộng quá, chè làm không hết mình trồng quế vào, khu đất bằng thì mình trồng chè, đất dốc hơn thì mình trồng quế*” (PVS. anh P.V.M., thôn Na Lang, xã Lùng Vai). Khi cây quế còn nhỏ họ sẽ thu hoạch chè, vừa tiết kiệm diện tích đất vừa tăng thu nhập. Cây quế trồng khoảng 7 - 8 năm là cho thu hoạch vỏ, càng để lâu vỏ càng dày và tinh dầu nhiều hơn. Khi cây quế được 4 - 5 năm tuổi, người dân có thể tỉa lá bán, giá thu mua lá quế tươi khoảng 800-1.000 đồng/kg, lá quế khô 1.500 -1.600.đồng/kg (Phạm Thị Cẩm Vân, 2022). Cây quế khoảng 7 - 8 năm tuổi bắt đầu thu hoạch thân cây và có giá bán từ 300.000 - 400.000 đồng/cây, cây hơn 10 năm tuổi có giá 1,5 - 2 triệu đồng/cây, quế từ 20 năm tuổi trở lên có giá 3 - 4 triệu đồng/cây. Như vậy, trồng quế có lợi là ngoài vỏ thì phần lá, cành, ngọn cũng được thu mua để chiết xuất tinh dầu và thân cây làm gỗ. Theo người dân, cây quế càng lâu năm càng có giá trị kinh tế. Trong hoạt động trồng rừng sản xuất, BQLRPH Mường Khương cũng khuyến khích người dân trồng cây lâu năm, rừng gỗ lớn (chu kỳ khai thác trên 10 năm), mang lại giá trị kinh tế cao hơn và lâu dài.

Cây sa nhân là một trong những sản phẩm LSNG có sản lượng lớn ở khu vực huyện Mường Khương. Mô hình trồng sa nhân ở đây bắt đầu từ khoảng những năm 2012. Ban đầu, cây sa nhân được trồng dưới tán rừng. Đến những năm 2017 - 2018 sa nhân được mở rộng diện tích trồng trên cả đất nương nghèo kiệt do giá bán sa nhân tăng cao. Năm 2020, huyện

Mường Khương có diện tích trồng cây sa nhân lớn nhất tỉnh với 1.230,9ha (474,4ha cho thu hoạch). Sa nhân trồng phân bố tại 16 xã của huyện Mường Khương, tập trung tại các xã như Nậm Chảy 354ha, Thanh Bình 116ha, Tả Ngải Chồ 100ha, Pha Long 93ha và thị trấn Mường Khương 116ha (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Mường Khương, 2020). Năng suất trung bình của cây sa nhân đạt 15 tạ/ha, sản lượng đạt 711 tấn, giá bán bình quân 70.000 đồng/kg. Cây sa nhân đã mang lại nguồn thu cho địa phương là 50 tỷ đồng/năm. Theo đánh giá của người dân, sa nhân cho giá trị cao gấp nhiều lần so với cây ngô². Cây trồng này đã có lúc trở thành cây thế mạnh của toàn huyện về kinh tế. Tuy nhiên, do đầu ra phụ thuộc gần như hoàn toàn vào thị trường Trung Quốc, ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 khiến sa nhân trở nên khó tiêu thụ hơn. Từ năm 2020 trở lại đây, giá bán quả sa nhân giảm dần. Năm 2019, giá sa nhân trung bình 110.000 đồng/kg; năm 2020 là 70.000 đồng/kg; năm 2022 dao động từ 25.000 đồng - 40.000 đồng/kg. Vì vậy, huyện Mường Khương không khuyến khích người dân mở rộng diện tích trồng cây sa nhân.

Cây chè shan một trong ba cây trồng chủ lực của huyện Mường Khương. Khác với các giống chè (cây thân bụi) thông thường, chè shan là giống chè quý, được trồng lâu đời tại một số địa phương khu vực miền núi phía Bắc như: Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Điện Biên,... Ở Mường Khương, cây chè shan vốn là cây trồng lâu năm với người dân khu vực các xã Bản Lầu, Bản Sen, Lùng Vai. Những năm gần đây, cây chè shan được mở rộng đến các xã vùng cao như Cao Sơn, Tả Thàng, La Pan Tẩn. Năm 2021, huyện Mường Khương tiếp tục mở rộng vùng trồng chè đến các xã Pha Long, Dìn Chin, Tả Gia Khâu. Định hướng trong tương lai: “*Mường Khương sẽ khoanh vùng trồng các loại chè cổ thụ, vừa mang lại thu nhập cho người dân vừa tạo lớp phủ bề mặt đất dốc*” (PVS. T.V. H., cán bộ BQLRPH, huyện Mường Khương). Hiện nay, tổng diện tích chè của Mường Khương có khoảng 400 ha, nhiều nhất tỉnh Lào Cai, trong đó 2/3 là diện tích chè kinh doanh (UBND huyện Mường Khương, 2020). Định hướng trong những năm tiếp theo, Mường Khương sẽ ổn định diện tích trồng chè khoảng 5000ha, sau đó tập trung đầu tư chăm sóc nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây chè.

Cây chè shan được người dân ở Mường Khương đánh giá là trồng khá thuận lợi. Chè trồng khoảng 3 năm sẽ bắt đầu cho thu hoạch. Với các cây trưởng thành, người dân có thể hái chè từ tháng 2, tháng 3 (chè hái sớm), đến tháng 10, tháng 11, mỗi tháng hái một lần. Năm 2020, giá chè thu mua ở khu vực Lùng Vai là 5.000 đồng/kg. Năng suất chè trung bình khoảng 9 tấn chè búp tươi/ha/năm. Cây chè tại huyện Mường Khương nếu đầu tư thâm canh đúng quy trình kỹ thuật, 1ha chè cho thu nhập trung bình từ 60 đến 80 triệu đồng/ha. So sánh trồng chè với trồng chuối, người dân ở Mường Khương cho rằng “*Trồng chè thì được lâu năm, trồng chuối được 4 năm phải phá đi trồng lại. Trồng chè mỗi năm được tiền cho con cho cháu đi học, với tiền mắm muối, thức ăn*” (PVS. ông L. T. Th., xã Lùng Vai).

² Gia đình anh T. V. M, thôn Na Lang, xã Lùng Vai đã chuyển đổi diện tích nương trồng ngô kém hiệu quả sang trồng cây sa nhân tím từ năm 2014. Năm 2019, gia đình thu hoạch được gần 9 tạ quả, thu về hơn 60 triệu đồng. Năm 2022 do dịch bệnh, rớt giá, sa nhân thu hoạch được 3 tạ, bán được hơn 12 triệu đồng.

Hiện nay, huyện Mường Khương dự định mở rộng diện tích cây chè shan ở những xã có độ cao từ 800 - 1.800m so với mặt nước biển. Đây đều là các thôn, bản vùng sâu, vùng xa, nơi có địa hình phức tạp. Những cây chè shan này có đường kính trung bình từ 10-20cm, nhiều cây có đường kính 40-50cm, được người dân khai thác và chế biến theo phương pháp truyền thống nên có chất lượng cao, bán với giá từ 80.000-120.000 đồng/kg. Trong tương lai, cây chè shan sẽ được coi là cây đa tác dụng, ngoài việc phòng hộ, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, còn là cây có giá trị kinh tế, để người dân bảo vệ và phát triển vốn rừng.

Cây trầu được trồng tại Mường Khương theo Dự án trồng rừng phòng hộ khoảng 10 năm về trước. Thống kê năm 2020, huyện Mường Khương có khoảng 28,8ha trầu phân bố ở các xã Cao Sơn, Dìn Chin, Lùng Vai, Nậm Chảy, Pha Long, Tả Gia Khâu. Trung bình, mỗi hộ gia đình được phát 10kg giống. Đây là loại cây đa tác dụng, cả hạt và gỗ đều có thể mang lại giá trị kinh tế (gỗ được làm nguyên liệu dùng trong công nghiệp; hạt được dùng trong công nghiệp sơn, chất dẻo, da nhân tạo và thuốc chữa bệnh) nên được địa phương ưu tiên lựa chọn trồng. Cây trầu có thể phát triển được trên đất dốc và khô cằn. Việc chăm sóc cây trầu cũng không gặp nhiều khó khăn, người dân chỉ cần phát cỏ trong hai năm đầu, sau đó đến khoảng năm thứ 7, trầu sẽ cho khai thác gỗ và quả lấy hạt.

Thời gian thu hoạch trầu thường là vào tháng 9 đến tháng 10 hàng năm. Việc thu lượm hạt trầu tốn khá nhiều thời gian, “khi quả chín, để quả tự rụng, sau khoảng 2-3 tuần phần vỏ ngoài héo thì người dân sẽ đi nhặt hạt trầu. Việc thu nhặt này thường là người lớn tuổi và trẻ em vào lúc rảnh” (PVS. anh L.S.S., xã Nậm Chảy). Về giá của hạt trầu, năm 2020 có hộ đã bán khoảng 10.000 đồng/kg hạt trầu. Bên cạnh khai thác hạt, người dân cũng có thể bán gỗ trầu nhưng là khai thác theo phương thức “tỉa thưa”. Tại xã Nậm Chảy, “*hơn 2ha cây trầu 10 năm tuổi đã bắt đầu cho thu hoạch, giá trầu tăng hơn 30% so với cùng diện tích đã khai thác cách đây 4 năm*” (PVS. ông S.S.L., xã Nậm Chảy). Hàng năm, những hộ gia đình trồng trầu trong độ tuổi từ 4-10 năm vẫn tỉa thưa trầu để bán. Trung bình mỗi năm thu từ bán hạt trầu và tỉa thưa thu khoảng 10 triệu đồng/ha. Cây trầu sau khi tỉa thưa phần gốc sẽ tiếp tục phát triển mầm cây, trung bình mỗi cây trầu sẽ cho 5 lần tỉa thưa/chu kỳ khai thác. Hiện nay, người dân có thể trồng xen trầu với cây quế để tận dụng diện tích đất, khi cây quế đến tuổi khai thác sẽ thu hoạch và trên bề mặt vẫn còn tầng cây trầu giữ đất. Có thể thấy, trong số các cây LSNG được đề cập trong phần viết này, cây sa nhân hiện có diện tích lớn nhất và mang lại giá trị kinh tế cao nhất, sau đó là cây chè. Tuy nhiên, giá bán của sa nhân đang có xu hướng giảm do ảnh hưởng từ thị trường tiêu thụ ngoài nước và những yếu tố tác động khác. Trong thời gian tới, với việc lựa chọn cây chè shan chủ yếu trồng đa mục đích và cây quế có thể sẽ tạo ra bức tranh mới về cơ cấu cây LSNG ở địa phương này.

3. Một số vấn đề đặt ra trong hoạt động sản xuất lâm sản

3.1. Sự tái sinh, phát triển rừng bị ảnh hưởng

Cây sa nhân có tốc độ phát triển rất nhanh, ban đầu người dân trồng một diện tích nhỏ, sau thời gian ngắn rễ cây có thể lan rộng trên một diện tích lớn. “*Cây sa nhân tím nếu trồng*

dưới tán rừng tự nhiên hoặc rừng phòng hộ, sẽ ảnh hưởng đến hệ sinh thái và sự phát triển bền vững của rừng” (PVS. ông T.V.H., cán bộ BQLRPH Mường Khương). Tính năng phòng hộ của rừng tự nhiên cao gấp khoảng 10 lần so với tính năng phòng hộ của rừng trồng nhờ có dây leo, thảm thực bì dày, khi nước mưa rơi xuống ngấm hết và bão hòa nước rồi mới tiếp tục chảy. Rừng tự nhiên không chỉ giúp giảm thiểu lũ lụt còn giúp bảo tồn nguồn gen, đảm bảo hệ sinh thái, chống biến đổi khí hậu. Cây sa nhân có môi trường sống ưa ẩm và phải có bóng cây che nắng mới phát triển được. Khi trồng sa nhân, người dân phải phát tỉa một phần lớp phủ thực vật, chỉ còn để lại cây có tán để che nắng cho sa nhân. Sa nhân sau khi bén rễ phát triển rất mạnh trên bề mặt đất khiến không có cây trồng nào có thể sống dưới tán cây. Từ năm 2014-2015, với sự tăng giá đột biến của quả sa nhân (có lúc lên đến 300.000đồng/kg sa nhân tươi) đã khiến người dân mở rộng diện tích loại cây này, thậm chí là thâm canh đất rừng trồng sa nhân. Điều này làm giảm sự đa dạng sinh học của tầng cây dưới tán rừng, giảm tính phòng hộ của rừng. Chính vì vậy, hiện nay huyện Mường Khương đang định hướng khoanh vùng diện tích trồng sa nhân nhằm đảm bảo chất lượng rừng.

3.2. Thuộc bảo vệ thực vật được sử dụng nhiều hơn

Chè Shan hiện nay là một trong các loại cây định hướng lâu dài để phát triển kinh tế địa phương gắn với bảo vệ lớp che phủ rừng. Tuy nhiên, để phòng trừ các loại dịch hại trên cây chè như bọ xít muỗi, rầy xanh, nhện đỏ, đa số người dân sử dụng biện pháp phun thuốc bảo vệ thực vật (BVTV). Trung bình mỗi năm, người trồng chè sẽ phải phun từ 10 - 12 lượt thuốc BVTV cho cây. Qua nghiên cứu có thể nhận thấy, việc sử dụng thuốc BVTV của người dân còn nhiều hạn chế như: chưa thực hiện đúng theo hướng dẫn sử dụng; pha lẫn nhiều loại thuốc theo kinh nghiệm của bản thân mà ít theo hướng dẫn kỹ thuật; phun thuốc trừ cỏ ở đầu nguồn nước; không tuân thủ thời gian cách ly; bao bì thuốc BVTV sau sử dụng không được thu gom đầy đủ;... Điều này gây mất an toàn sang khu vực trồng cây lương thực, ô nhiễm môi trường sống, ảnh hưởng đến sức khỏe con người và vật nuôi, phá vỡ cân bằng sinh học. Bên cạnh đó, việc trồng cây sa nhân cũng đi kèm với tăng sử dụng thuốc BVTV tại địa phương này. Cây sa nhân được coi là cây trồng “dễ tính” nhưng người dân cho biết họ vẫn phải sử dụng thuốc diệt cỏ trên diện tích sa nhân mới được trồng: “Cây sa nhân chăm sóc không khó, từ lúc trồng đến lúc thu hoạch không cần dùng phân, chỉ phải diệt cỏ, người dân thường sử dụng thuốc trừ cỏ ở diện tích trồng sa nhân, cứ 5 tháng phun một lần, sau 1 năm khi cây phát triển rồi thì không diệt cỏ nữa” (PVS. bà P.S.D, thôn Mào Phìn, xã Nậm Chảy).

Trong nông nghiệp, người ta ước tính rằng, khi phun thuốc trừ sâu thì 50% thuốc bám trên lá, 50% rơi xuống đất. Người nhiễm độc do hóa chất BVTV, cá và động vật khác như côn trùng cũng nhiễm độc trực tiếp ngay tại nơi phun thuốc. Trong đất, hóa chất BVTV thường gây hại cho nhiều loại vi sinh vật có ích. Các vi sinh vật giúp phân hủy chất thải, chất hữu cơ, chuyển hóa nhiều nguyên tố dinh dưỡng quan trọng cũng bị hại vì tồn dư của thuốc trừ sâu, làm giảm độ phì nhiêu của đất (Lê Xuân Cảnh, 2022). Việc người dân lạm dụng thuốc BVTV là thực trạng báo động, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới nguồn nước, môi trường, không khí,

sức khoẻ con người,... Đồng thời, tạo ra rào cản trong việc thực hiện tiêu chí môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

3.3. Đất đai có nguy cơ thoái hóa, xói mòn

Trước đây, tập quán canh tác của người dân vùng cao thường là luân canh, tức là sau khi khai thác người dân thường để đất nghỉ nhằm phục hồi lại độ màu cho đất. Hiện nay, hoạt động này hầu như không còn do diện tích dành cho sản xuất bị thu hẹp. Ở Mường Khương hiện nay, không những luân canh không còn mà để tăng giá trị diện tích đất trồng, người dân còn trồng xen canh, như chè trồng xen với quế, quế trồng xen với trâu, quế trồng xen với xoan... khiến đất không có thời gian để nghỉ, hiện tượng thoái hóa đất là điều không thể tránh khỏi. Không những vậy, sau hơn 20 năm kể từ khi cây sa nhân xuất hiện ở huyện Mường Khương, diện tích cây lương thực bị thu hẹp lại. Cây sa nhân với đặc tính rễ chùm, phát triển lan rộng. Cây sa nhân đến tuổi trưởng thành sẽ phát triển rất nhanh và mạnh. “*Không có cây cỏ nào sống được dưới tán sa nhân, đất trồng sau khi trồng sa nhân sẽ hết màu mỡ không thể trồng được cây gì trên đó*” (PVS. ông L.V.M, xã Nậm Cháy). Điều này cũng đã góp phần dẫn đến chất lượng đất ở Mường Khương có nguy cơ bị thoái hóa và bạc màu rất nhanh. Bên cạnh đó, việc khai thác tài nguyên rừng chưa thực sự gắn liền với đầu tư phục hồi tài nguyên và môi trường. Đất đai bị xói mòn, rửa trôi làm giảm tầng dày, độ phì của đất, có nơi trơ sỏi đá, lớp thảm thực vật che phủ đất thấp.

3.4. Vốn đầu tư lâu dài cho trồng rừng còn khó khăn

Hiện nay, khó khăn lớn nhất trong triển khai trồng rừng sản xuất tại địa phương là kinh phí đầu tư và hiệu quả kinh tế. Để đầu tư trồng rừng sản xuất, ngay năm đầu tiên hộ dân phải chi khoảng 5 - 7 triệu đồng/ha để xử lý thực bì, mua cây giống. Các năm tiếp theo là chi phí chăm sóc, bảo vệ rừng thường xuyên. Bên cạnh đó, khu vực vùng cao với những đặc trưng về địa hình, khí hậu khắc nghiệt khiến cây rừng sinh trưởng chậm hơn so với các địa phương vùng thấp. Điều này làm cho chu kỳ khai thác rừng thường mất ít nhất hơn 10 năm. Với quỹ thời gian dài như thế, nếu người dân vay tiền vốn để trồng rừng thì đến khi khai thác lãi rất ít, chưa kể các rủi ro ngoài tầm kiểm soát khác như giá gỗ nguyên liệu xuống thấp, cháy rừng, dịch bệnh, gia súc phá hoại... thậm chí có thể dẫn đến thua lỗ. Khó khăn nữa phải kể đến là việc xã hội hóa nghề rừng theo chủ trương của tỉnh Lào Cai, người dân không còn được nhận hỗ trợ như trước mà phải tự bỏ vốn trồng rừng. Trong khi đó, những hộ trồng rừng hầu hết là đồng bào dân tộc thiểu số, nhiều hộ thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nên ít có nguồn vốn dự trữ để tự đầu tư. Tại xã Nậm Cháy: “*Nhiều hộ gia đình tham gia mô hình trồng cây hồi bền vững từ năm 2017. Sau hơn 4 năm trồng cây sinh trưởng, phát triển tốt. Tuy nhiên, khoảng 10 năm cây mới bắt đầu cho thu hoa, quả nên gia đình gặp nhiều khó khăn. Nếu như trước đây, mảnh nương của gia đình rộng 0,3 ha thì mỗi năm trồng ngô khi thu hoạch cũng đủ dùng cho chăn nuôi gia súc, gia cầm. Từ năm 2017, gia đình chuyển sang trồng cây hồi và đến nay vẫn chưa cho thu nhập, việc chăn nuôi của gia đình cũng bị ảnh hưởng do thiếu ngô, thóc*” (PVS. ông L. S. S., thôn Cốc Râm, xã Nậm Cháy).

3.5. Các mô hình sản xuất lâm sản ngoài gỗ chưa ổn định

Trồng sa nhân tím mang lại nguồn thu nhập không nhỏ cho người dân ở Mường Khương. Chi phí đầu tư ít (chỉ mất tiền giống cây, thuốc trừ cỏ trong năm đầu), không mất nhiều công chăm sóc. Hiệu quả kinh tế của việc trồng sa nhân cao hơn trồng lúa, ngô nhiều lần, nhất là trong bối cảnh giá phân bón hóa học đã tăng gấp 2-3 lần trong 3 năm trở lại đây. Tuy nhiên, đầu ra cây sa nhân phụ thuộc hoàn toàn vào xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới tính bền vững, lâu dài của mô hình sản xuất này. Việc chưa có mã số xuất khẩu sa nhân tím vào Trung Quốc làm cho mặt hàng này chỉ có thể xuất theo đường tiểu ngạch. Trong 3 năm, từ 2020-2022, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, cùng với chính sách thắt chặt quản lý biên giới của Trung Quốc, việc mua bán sa nhân qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc hầu như bị đình trệ. Giá sa nhân giảm mạnh khiến thu nhập của người dân bị ảnh hưởng. Hiện nay, theo định hướng của tỉnh Lào Cai, huyện Mường Khương không khuyến khích mở rộng diện tích trồng cây sa nhân, chỉ khuyến khích tăng cường các biện pháp kỹ thuật thâm canh nhằm tăng năng suất diện tích cây hiện có. Với mô hình trồng chè Shan, bên cạnh ưu thế về phù hợp khí hậu, thổ nhưỡng, thị trường tiêu thụ đa dạng (nội địa và xuất khẩu) cũng gặp nhiều khó khăn như vốn đầu tư, công chăm sóc, giá bán còn thấp, sản phẩm chưa được nhiều người biết đến,... Cây chè đòi hỏi lượng phân bón, thuốc trừ sâu bệnh, thuốc kích thích lớn. Thực tế là trong 3 năm qua, giá phân bón, vật tư nông nghiệp tăng. Việc làm đất, mua cây giống, phân bón đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu cao là khó khăn không nhỏ với đa số hộ gia đình. Xu hướng đi làm ăn xa tăng lên, nhất là lứa tuổi thanh niên đã làm giảm nhân lực cho việc chăm sóc, thu hái chè, làm tăng giá ngày công lao động. Việc đầu tư cơ sở, nhà máy chế biến chè còn ít dẫn đến giá thu mua thấp, chất lượng chè thành phẩm chưa cao.

3.6. Khai thác lâm sản gỗ còn gặp khó khăn

Hiện nay, ở Mường Khương xảy ra tình trạng diện tích lâm sản gỗ được trồng đã đến tuổi khai thác nhưng không khai thác được. Lý do là, để có thể khai thác gỗ trên diện tích đất rừng trồng được giao người dân phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, qua tìm hiểu tại địa phương, nhiều hộ gia đình ở đây chưa được cấp loại giấy tờ này. Thực tế là các hộ gia đình ở thôn Cốc Râm A, xã Nậm Chảy không thể khai thác gỗ do không đủ giấy chứng nhận để có thể khai thác gỗ một cách hợp pháp, theo đúng quy định. Bên cạnh đó, vấn đề chồng lấn diện tích đất của dân địa phương với BQLRPH ở Mường Khương chưa được giải quyết một cách thấu đáo. Hiện nay, BQLRPH huyện Mường Khương được giao quản lý 3.200 ha đất, nhưng một phần trong số này trùng với diện tích đất đã được người dân khai hoang canh tác trồng thông sa mộc, các loại gỗ khác từ lâu đời. Gỗ sản xuất đã đến tuổi khai thác lại không khai thác được. Ở xã Lùng Vai đã có trường hợp bị kết án tù do khai thác gỗ trên chính diện tích rừng mà hộ gia đình đã đầu tư giống cây trồng.

Kết luận và khuyến nghị

Qua nghiên cứu thực địa có thể nhận thấy, sản xuất lâm sản ở huyện Mường Khương dưới góc độ sản xuất LNSG (trồng cây sa nhân, quế, trâu và chè shan) và lâm sản gỗ (cây mỡ, thông sa mộc, xoan) đang có xu hướng chuyển từ trồng cây lấy gỗ đơn thuần sang cây lâm sản đa mục đích, cây LSNG mang tính hàng hóa. Điều này bước đầu đã mang lại thu nhập cho người dân và bảo vệ được lớp phủ rừng. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai đã gặp phải một số vấn đề về môi trường (tác động đến sự tái sinh và phát triển rừng, ô nhiễm môi trường do thuốc BVTV, suy giảm chất lượng đất...). Về kinh tế - xã hội, còn một số vấn đề đặt ra như mô hình sản xuất LSNG chưa ổn định, khó khăn trong quá trình khai thác LSG, hay chưa có sự đồng thuận giữa người dân với cơ quan quản lý rừng. Do đó, cần có sự quan tâm nhiều chiều từ chính quyền, các cơ quan chức năng, các nhà nghiên cứu để việc phát triển sản xuất lâm sản có được sự cân bằng với bảo vệ môi trường và tính bền vững.

Để phần nào hiện thực hóa được mục tiêu kép đặt ra là hiệu quả kinh tế đi đôi bảo vệ môi trường, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị như sau:

Một là, xác định các loài cây trồng lâm nghiệp chủ lực, phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu của vùng, đa mục đích, đạt được mục tiêu kép về hiệu quả kinh tế và môi trường; tạo điều kiện về vốn cho người dân yên tâm với việc phát triển nghề rừng.

Hai là, tuyên truyền, vận động người dân không trồng sa nhân vào diện tích đất rừng phòng hộ, tránh ảnh hưởng đến sự phát triển tái sinh rừng cũng như sử dụng thuốc BVTV theo đúng hướng dẫn kỹ thuật. Đồng thời, tích cực tuyên truyền cho người dân thay đổi nhận thức, hành động, thái độ của họ nói chung đối với rừng để có những hoạt động sinh kế bền vững.

Ba là, chủ động tìm kiếm thông tin, kết nối thị trường mới trong và ngoài nước cho sản phẩm sa nhân trong bối cảnh thương nhân Trung Quốc hạn chế thu mua gần đây, giúp người dân bán được sản phẩm, nâng cao thu nhập.

Bốn là, tổ chức tốt việc thu mua, chế biến và quảng bá thương hiệu chè shan vùng cao Mường Khương. Quá trình này cần được thực hiện một cách có kế hoạch và trong thời gian dài, nhằm tạo chỗ đứng trên thị trường cho cây chè shan Mường Khương.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Khương (2022), *Số liệu thống kê diện tích một số cây trồng năm 2020, 2021*.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2010), Thông tư số 35/2010/TT-BNNPTNT, “*Danh mục bổ sung một số loài cây trồng rừng và cây lâm sản ngoài gỗ tại 63 huyện nghèo thuộc 21 tỉnh theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ*”, Ban hành ngày 23/6/2010.

3. Lê Xuân Cảnh (2022), “Ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông, lâm, thủy sản ảnh hưởng tới đa dạng sinh học và các giải pháp giảm thiểu tác động”, *Tạp chí Môi trường*, Chuyên đề Tiếng Việt số I/2022, tr. 89-93.

4. Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai (2022), *Huyện Mường Khương*, trên trang: <https://muongkhuong.laocai.gov.vn/1264/28686/39368/gioi-thieu> (Truy cập ngày 18/10/2022).

5. Lê Trọng Cúc, A. Terry Rambo (Đồng chủ biên, 2001), *Vùng núi phía Bắc Việt Nam, một số vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Mường Khương (2020), *Báo cáo Kết quả thực hiện kế hoạch công tác năm 2020 và định hướng công tác năm 2021*, Thực hiện tháng 12/2020.

7. Quốc hội (2017), *Luật Lâm nghiệp*, Số 16/2017/QH14, Ban hành ngày 15/11/2017.

8. Quốc hội (2020), *Luật Bảo vệ môi trường*, Số 72/2020/QH14, Ban hành ngày 17/11/2020.

9. Ủy ban nhân dân huyện Mường Khương (2020), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và kế hoạch năm 2021*.

10. Phạm Thị Cẩm Vân (2022), “Mua bán lâm sản của người Dao ở vùng biên giới huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, tr. 30-45.